

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Hồng Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐST-DS ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Q S, sinh năm 1993.

Là người đại diện của Hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương G A, sinh năm 1995.

Địa chỉ: xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn V L, sinh năm 1963 và bà Lê T L, sinh năm 1964. Cùng địa chỉ: xã H, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

(Đại diện nguyên đơn và các bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2022, nguyên đơn trình bày:

Trước đây, vào ngày 03/07/2019, ông Nguyễn V L và bà Lê T L cùng ông Trần Q S là chủ Hộ kinh doanh T có thỏa thuận về việc mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản nhằm mục đích để ông L và bà L nuôi tôm. Đến ngày 05/03/2020, các bên tiến hành ký kết Hợp đồng bằng văn bản.

Theo thỏa thuận thì bên ông S bán cho bên ông L và bà L các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Cụ thể: Bên ông S giao hàng cho ông L và bà L tại kho hàng của Hộ kinh doanh T theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của ông L và bà L nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên ông L và bà L phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho bên ông S. Về phương thức thanh toán, trong mọi trường hợp ông L và bà L phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên ông khi thu hoạch tôm, trường hợp ông L và bà L nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) thì không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên ông S đã nhiều lần bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông L và bà L theo đúng đơn hàng yêu cầu. Sau khi nhận hàng, ông L và bà L đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của hai bên và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận. Tuy nhiên, ông L và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng. Căn cứ theo Bảng đối chiếu xác nhận công nợ được các bên ký vào ngày 13/09/2021, ông L xác nhận vẫn còn nợ bên ông S số tiền 77.714.000 đồng.

Nay ông Trần Q S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn V L và bà Lê T L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông S, đại diện Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 75.714.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn V L và bà Lê T L: Ông Nguyễn V L và bà Lê T L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản thể hiện ý cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn V L và bà Lê T L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông L và bà L vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn V L và bà Lê T L.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Trần Q S là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn V L và bà Lê T L

trả số tiền do mua thức ăn tôm còn nợ lại gốc là 75.714.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Hợp đồng mua bán đề ngày 05/3/2020 ông L bà L đã ký, “Bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng” đề năm 2021 công nợ là 75.714.000 đồng, khách hàng ông Nguyễn V L đã ký; sổ ghi chép việc mua hàng có chữ ký của ông L, bà L.

Xét thấy, những chứng cứ nêu trên thể hiện số nợ cuối cùng ông L và bà L còn nợ lại là 75.714.000 đồng và đều có chữ ký xác nhận của ông L, bà L. Ông L và bà L đã được Toà án cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh.

Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ.

Ông Trần Q S đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi tôm cho bên mua là ông Nguyễn V L và bà Lê T L. Ông L và bà L đã nhận đủ tài sản do ông S chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông L và bà L chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông S theo thỏa thuận và ông L và bà L còn nợ của ông S số tiền là 75.714.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Trần Q S đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu ông L và bà L trả số tiền nợ 75.714.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Q S đại diện Hộ kinh doanh T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Nguyễn V L và bà Lê T L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định khoản 2 Điều 143 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Q S là người đại diện Hộ kinh doanh T.

2. Buộc ông Nguyễn V L và bà Lê T L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Trần Q S là người đại diện Hộ kinh doanh T tổng số tiền nợ gốc là 75.714.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu, bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Q S là đại diện Hộ kinh doanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.980.000 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi nghìn) theo biên lai thu số 0005459 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Nguyễn V L và bà Lê T L phải liên đới nộp án phí dân sự là 3.785.700 đồng (Ba triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về việc kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự, đại diện DS;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến